

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 2 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Bóng chuyền 1 – Nhóm 09

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thành Quân

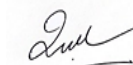
STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2122210113	Nguyễn Ngọc Anh	29/01/2004	CCQ2220D	7.2	6	6.5	
2	2122200107	Phan Thị Quỳnh Anh	22/11/2004	CCQ2220D	6.5	5	5.6	
3	2120200244	Nguyễn Ngọc Tường Ân	15/07/2002	CCQ2020H	7.8	8	7.9	
4	2122200146	Phùng Gia Bảo	23/04/2003	CCQ2220E	7.0	8	7.6	
5	2122120383	Trần Thị Y Bình	17/06/2002	CCQ2212L	6.5	6	6.2	
6	2122240049	Lê Ngọc Bội Bội	06/06/2004	CCQ2220F	9.0	6	7.2	
7	2122120138	Trịnh Công Cường	29/04/2001	CCQ2212D	9.5	9	9.2	
8	2122120395	Lê Thị Thúy Diễm	01/01/2001	CCQ2212L	6.7	6	6.3	
9	2122200110	Lương Thị Diệu	03/09/2004	CCQ2220D	9.2	8	8.5	
10	2122200074	Bùi Thị Mỹ Duyên	08/02/2004	CCQ2220C	7.0	7	7.0	
11	2122200088	Huỳnh Thị Bích Duyên	09/10/2004	CCQ2220C	7.8	5	6.1	
12	2122200087	Nguyễn Thị Hồng Duyên	29/08/2004	CCQ2220C	7.8	8	7.9	
13	2122200090	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/03/2004	CCQ2220C	0.0	0	0.0	Vắng
14	2122200189	Nguyễn Thanh Đa	04/02/2004	CCQ2220F	9.2	7	7.9	
15	2122200084	Võ Xuân Đông	20/06/2004	CCQ2220C	7.5	9	8.4	
16	2122120078	Phạm Kiều Giang	10/03/2004	CCQ2220C	5.8	5	5.3	
17	2122200069	Trần Thị Hồng Hạnh	23/02/2004	CCQ2220C	6.3	5	5.5	
18	2122030168	Trần Chí Hào	09/05/2004	CCQ2203E	9.2	7	7.9	
19	2122120369	Nguyễn Huỳnh Mẫn Hân	18/05/2004	CCQ2212K	7.8	7	7.3	
20	2122200093	Huỳnh Minh Hoàng	21/12/2004	CCQ2220C	7.0	8	7.6	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2122110224	Nguyễn Quốc Hưng	09/12/2004	CCQ2214B	7.3	7	7.1	
22	2121270088	Nguyễn Thị Kim Hương	04/03/2003	CCQ2127C	7.5	5	6.0	
23	2122200203	Tô Thị Thu Hương	22/12/2003	CCQ2220D	6.7	10	8.7	
24	2122200129	Ngô Hoàng Gia Khang	30/10/2004	CCQ2220D	7.2	6	6.5	
25	2122200125	Võ Văn Khang	26/02/2001	CCQ2220D	9.3	7	7.9	
26	2122200128	Huỳnh Thị Xa Lam	22/06/2004	CCQ2220D	6.0	6	6.0	
27	2122200238	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	08/02/2004	CCQ2220D	8.5	6	7.0	
28	2122200220	Lê Thị Thùy Linh	05/11/2004	CCQ2220F	9.0	9	9.0	
29	2122200077	Nguyễn Thị Hoài Ly	27/04/2004	CCQ2220C	7.8	7	7.3	
30	2121210088	Lê Giáng Huyền Mai	14/04/2003	CCQ2121C	6.2	9	7.9	
31	2122200095	Vũ Thị Minh	19/02/2004	CCQ2220C	5.8	5	5.3	
32	2122200200	Lê Thị Kiều My	25/02/2004	CCQ2220C	7.2	6	6.5	
33	2122200071	Trần Tiểu My	30/09/2004	CCQ2220C	6.2	5	5.5	
34	2122200199	Lê Kiều Thuỷ Ngân	21/01/2003	CCQ2220C	5.3	5	5.1	
35	2122200115	Ngô Thị Kim Ngân	01/02/2004	CCQ2220D	8.5	7	7.6	
36	2122200086	Nguyễn Thị Kim Ngân	06/02/2004	CCQ2220C	7.2	7	7.1	
37	2122200185	Phan Thị Ánh Nguyệt	09/06/2004	CCQ2220F	7.7	8	7.9	
38	2122120404	Đào Nguyễn Yến Nhi	13/11/2004	CCQ2212L	6.2	6	6.1	
39	2122200114	Nguyễn Tuyết Nhi	29/04/2004	CCQ2220D	7.5	6	6.6	
40	2122200119	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	26/11/2003	CCQ2220D	5.8	5	5.3	
41	2122120139	Trần Hoàng Như	28/03/2004	CCQ2212D	7.0	7	7.0	
42	2122120285	Phùng Vinh Quang	19/05/2000	CCQ2212I	0.0	0	0.0	Vắng
43	2122200122	Nguyễn Thị Ánh Sương	01/01/2004	CCQ2220D	8.2	7	7.5	
44	2122200083	Trần Thị Thanh Tâm	20/07/2004	CCQ2220C	7.2	6	6.5	
45	2122200098	Huỳnh Công Thái	20/12/2004	CCQ2220C	7.3	7	7.1	
46	2122200089	Nguyễn Hoàng Quốc Thái	31/07/2004	CCQ2220C	7.2	6	6.5	
47	2122120081	Trần Thanh Thanh	29/11/2004	CCQ2212C	6.7	7	6.9	
48	2122200126	Hoàng Phùng Thị Thảo	15/03/2004	CCQ2220D	7.0	7	7.0	
49	2122200138	Võ Thị Thu Thảo	14/09/2004	CCQ2220D	7.3	8	7.7	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2122200073	Đoàn Ngọc Minh Thiên	22/05/2004	CCQ2220C	6.3	6	6.1	
51	2121120636	Đặng Thị Kim Thoa	22/06/2003	CCQ2112R	7.5	5	6.0	
52	2122200111	Đỗ Đình Thuận	10/10/2004	CCQ2220D	7.0	9	8.2	
53	2122120367	Hoàng Thị Thương	02/02/2004	CCQ2212K	6.8	5	5.7	
54	2122200081	Huỳnh Nguyễn Bảo Trang	19/06/2004	CCQ2220C	7.8	5	6.1	
55	2122120390	Nguyễn Hiền Trang	15/10/2004	CCQ2212L	7.0	8	7.6	
56	2122120489	Nguyễn Thị Thuỳ Trâm	29/09/2004	CCQ2212E	9.2	8	8.5	
57	2121210107	Nguyễn Trần Tuyết Trâm	04/09/2003	CCQ2121C	6.7	5	5.7	
58	2122200136	Lưu Ngọc Thiên Trinh	18/12/2004	CCQ2220D	6.5	6	6.2	
59	2120120632	Phạm Quang Trường	02/09/2002	CCQ2012B	9.2	10	9.7	
60	2122260069	Bế Văn Tuấn	20/05/2004	CCQ2226C	0.0	0	0.0	Vắng
61	2122200101	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	08/01/2004	CCQ2220C	5.3	5	5.1	
62	2122120363	Hồ Bùi Tố Uyên	28/08/2003	CCQ2212K	7.8	10	9.1	
63	2121100208	Vũ Thị Thùy Vân	19/01/2003	CCQ2110F	6.3	6	6.1	
64	2122200070	Trần Kim Vệ	23/07/2004	CCQ2220C	7.0	6	6.4	
65	2121210114	Hồ Thị Thanh Vi	04/06/2003	CCQ2121C	8.0	6	6.8	
66	2122200135	Tần Thị Tường Vi	29/09/2004	CCQ2220D	0.0	0	0.0	Vắng
67	2122200072	Lê Trần Hoài Vy	25/10/2004	CCQ2220C	7.0	8	7.6	
68	2122200198	Nguyễn Thị Kiều Vy	23/03/2004	CCQ2220C	7.7	9	8.5	
69	2122200038	Lê Thị Như Ý	26/10/2004	CCQ2220B	7.0	7	7.0	

TPHCM, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân